

SỞ Y TẾ GIA LAI
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: /TTKSBT-DVTTYT
V/v mời báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Các Công ty đánh giá, công nhận phòng thử nghiệm

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai mời các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm, về việc đánh giá, công nhận hệ thống phòng thử nghiệm gửi báo giá gói thầu: Thuê dịch vụ đánh giá, công nhận hệ thống phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 lĩnh vực hoá học, sinh học Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược - VTTYT
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp (hoặc qua bưu điện) tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai - Khu C3, đường Điện Biên Phủ, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai, điện thoại: 02563.548.956; Hoặc 177 Cách Mạng Tháng 8, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai, điện thoại: 02693.824.372, hoặc qua Email: khoaduocctksbtgialai@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 14 ngày, kể từ ngày phát thông báo

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày.../.../2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục dịch vụ (có phụ lục đính kèm).
2. Địa điểm thực hiện dịch vụ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai - Khu C3, đường Điện Biên Phủ, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai; Hoặc 177 Cách Mạng Tháng 8, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Yêu cầu khác:

+ Cung cấp hồ sơ, giấy tờ chứng minh đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm trong đánh giá, tư vấn và hỗ trợ phòng thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017.

+ Báo giá bao gồm tất cả các chi phí khác có liên quan đến việc đi lại, vận chuyển, thuê và các chi phí khác,... để bàn giao đến tận Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai - Cơ sở 1: Khu C3, đường Điện Biên Phủ, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai, Cơ sở 2: 177 Cách Mạng Tháng 8, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Rất mong sự phối hợp của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT- TTKSBT;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Lưu: VT, DVTYT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Truyền

Phụ lục:
DANH MỤC DỊCH VỤ
NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số /TTKSBT-DVTTYT ngày / 8 /2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm thực hiện
1	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	TCVN 6224:1996	Chỉ tiêu	1	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2
2	Hàm lượng Floride	SMEWW -F-D-2005	Chỉ tiêu	1	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2
3	Hàm lượng Mangan tổng số	TCVN 6002:1995	Chỉ tiêu	1	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2
4	Hàm lượng Sulfat	SMEWW4500-SO4-E:2023	Chỉ tiêu	1	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2
5	Xác định Chỉ số Permanganat	TCVN 6186: 1996	Chỉ tiêu	2	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 1:1; Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2:1
6	Xác định Clo dư tự do	SMEWW4500 - C1 B, C, G:2023 - Xác định clo dư tự do bằng phương pháp lot hoặc phương pháp lên màu với thuốc thử DPD	Chỉ tiêu	1	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2
7	Xác định Độ cứng tổng số	AOAC 973. 52	Chỉ tiêu	1	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 1
8	Xác định Độ đục	SMEWW 2130 B	Chỉ tiêu	1	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 1

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm thực hiện
9	Xác định Độ đục	TCVN 12402-1:2020	Chỉ tiêu	1	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2
10	Xác định hàm lượng Amoniac	SMEWW 4500-NH3 F:2023	Chỉ tiêu	2	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 1:1; Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2:1
11	Xác định hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	Chỉ tiêu	2	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 1:1; Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2:1
12	Xác định hàm lượng Florua	SMEWW 4500- F ⁻ D	Chỉ tiêu	1	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 1
13	Xác định hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	Chỉ tiêu	2	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 1:1; Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2:1
14	Xác định hàm lượng Nitrit	TCVN 6178:1996	Chỉ tiêu	2	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 1:1; Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2:1
15	Xác định hàm lượng Sắt tổng số	TCVN 6177:1996	Chỉ tiêu	1	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2
16	Xác định hàm lượng Tổng chất rắn hòa tan(TDS)	SMEWW 2540C	Chỉ tiêu	1	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 1
17	Xác định màu sắc	TCVN 6185:2015	Chỉ tiêu	1	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm thực hiện
18	Xác định pH	TCVN 6492-2011	Chi tiêu	2	Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 1:1; Lĩnh vực Hóa lý - Cơ sở 2:1
19	Xác định Coliform	TCVN 6187-1: 2019	Chi tiêu	2	Lĩnh vực Vi sinh - Cơ sở 1:1; Lĩnh vực Vi sinh - Cơ sở 2:1
20	Xác định E Coli	TCVN 6187-1:2019	Chi tiêu	2	Lĩnh vực Vi sinh - Cơ sở 1:1; Lĩnh vực Vi sinh - Cơ sở 2:1
	Tổng cộng: 20 dịch vụ				